

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4 – HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2026/HSST

Ngày: 12-6-2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HUẾ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Quốc Việt và ông Lê Viết Tân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Tuấn, Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Huế tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Đình Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2026/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2026, đối với các bị cáo:

**1. Trần Viết L;** sinh ngày 14/12/1990 tại thành phố H; căn cước công dân số 046090009261, cấp ngày 10/08/2021; Nơi cư trú: Thôn N, xã L, thành phố H; nghề nghiệp: Làm bánh mì; Trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con của ông Trần C và bà Hoàng Thị K; Có vợ: Bùi Thị T (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/02/2026 đến ngày 12/02/2026, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo tại ngoại, có mặt.

**2. Nguyễn Văn Minh N;** sinh ngày 03/9/2006 tại thành phố H; căn cước công dân số 046206006567, cấp ngày 13/5/2021; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, thành phố H; nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con của ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Bích Đ; chưa có vợ, con. Tiền án: Không; Tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/02/2026 đến ngày 12/02/2026, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo tại ngoại, có mặt.

**3. Hồ Đắc Tường G;** sinh ngày 13/12/1996 tại thành phố H; căn cước công dân số 046096014327, cấp ngày 10/08/2021; Nơi cư trú: Thôn B, xã L, thành phố H; nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con của ông Hồ Đắc T2 và bà Trần Thị T3; Có vợ: Lại Thị N1 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2023, nhỏ nhất sinh năm 2025. Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ

ngày 06/02/2026 đến ngày 12/02/2026, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. **Trần Hữu H**; sinh ngày 13/8/1998 tại thành phố H; căn cước công dân số 046098013208, cấp ngày 14/04/2023; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, thành phố H; nghề nghiệp: Thợ điện lạnh; Trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con của ông Trần Hữu Đ1 và bà Huỳnh Thị H1; Có vợ: Tôn Nữ Quỳnh M và có 01 người con sinh năm 2025. Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/02/2026 đến ngày 12/02/2026, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo tại ngoại có mặt.

5. **Trương Văn T4**; sinh ngày 27/10/2003 tại thành phố H; căn cước công dân số 046203012917, cấp ngày 02/7/2021; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, thành phố H; nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con của ông Trương Q và bà Trần Thị T5; Vợ con: Chưa có. Tiền án: Không; Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/02/2026 đến ngày 12/02/2026, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. **Đoàn Văn Đ2**; sinh ngày 10/10/2004 tại tỉnh Lâm Đồng; căn cước công dân số 0068204006758, cấp ngày 29/09/2024, nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con của ông Đoàn Văn C2 và bà Cao Thị N2; Vợ con: Chưa có. Tiền án: Không; Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/02/2026 đến ngày 12/02/2026, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Ngô Văn H2, sinh ngày 01/7/1991; địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố H, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Dương Gia H3, sinh ngày 03/4/2009; địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố H, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn S, sinh ngày 10/9/1996; địa chỉ: Thôn T, xã L, thành phố H, vắng mặt.

3. Anh Hồ A, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn T, xã L, thành phố H, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 06/02/2026, bị cáo Trần Việt L đi đến quán C3 ở thôn X, xã L, thành phố H để uống cà phê cùng với bạn là anh Nguyễn Văn S và anh Hồ A. Tại đây, bị cáo L thấy có bộ bài tú lơ khơ đang để sẵn trên bàn nên đã rủ S, A đánh bài “T6 lên” để giải trí. Một lúc sau, bị cáo Trương Văn T4

và bị cáo Nguyễn Văn Minh N đến ngồi xem thì L rủ T4, N cùng đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài “Binh 9 cây tổ”. Lúc này, các bị cáo L, T4, N cùng nhau tham gia đánh bạc, còn anh S và anh A đi về nhà. Sau đó, có thêm các bị cáo Hồ Đắc Tường G, Đoàn Văn Đ2, Trần Hữu H đến cùng vào tham gia đánh bạc. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, trong lúc các bị cáo Trần Viết L, Trương Văn T4, Nguyễn Văn Minh N, Hồ Đắc Tường G, Đoàn Văn Đ2, Trần Hữu H đang đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài “Binh 9 cây tổ”, thì bị Công an xã L, thành phố H bắt quả tang; thu giữ trực tiếp tại chiếu bạc số tiền 5.880.000 đồng (trong đó có 860.000 đồng tiền xu); thu trên người của L số tiền 300.000 đồng, của G số tiền 2.500.000 đồng và của N số tiền 4.200.000 đồng; cùng các dụng cụ dùng để đánh bạc.

Cách thức đánh bạc dưới hình thức đánh bài “Binh 9 cây tổ” được thống nhất quy định như sau:

Dùng bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 quân bài và thêm quân bài “K rô”, “A rô” làm công cụ để đánh bạc. Để bắt đầu ván bài, mỗi người chơi đặt số tiền “mậu” là 10.000 đồng vào giữa chiếu bạc. Trong mỗi ván, người cầm cái (là người thắng mỗi ván; riêng ván đầu tiên sẽ bốc bài, ai bốc quân bài lớn nhất sẽ cầm cái) tiến hành chia bài đều cho 06 người chơi, mỗi người 09 quân bài. Người chơi sẽ sắp xếp 09 quân bài thành 03 “chi”, mỗi “chi” gồm có 03 quân bài từ nhỏ đến lớn và so sánh thắng, thua trên mỗi “chi” với nhau.

Lớn nhất là “sam” gồm 03 quân bài giống nhau. Nếu có cùng sam thì so sánh từ nhỏ đến lớn theo thứ tự từ quân 2 đến quân A. Tiếp đến là ba tiên gồm 03 quân bài tây (là các quân bài J, Q, K). Nếu có cùng ba tiên thì so sánh đôi, chi ba tiên có đôi sẽ thắng chi ba tiên không có đôi. Nếu cùng có đôi thì so sánh từ nhỏ đến lớn theo thứ tự từ quân J đến quân K. Nếu không có đôi hoặc đôi giống nhau thì so sánh từ nhỏ đến lớn theo chất của quân bài là bích, chuồn, rô, cơ. Cuối cùng là điểm gồm 03 quân bài cộng lại tính “điểm” và so sánh từ nhỏ đến lớn theo thứ tự từ 0 điểm đến 09 điểm. Nếu cùng điểm thì so sánh đôi, điểm có đôi sẽ thắng điểm không có đôi. Nếu cùng điểm và cùng có đôi thì so sánh từ nhỏ đến lớn theo thứ tự từ quân 2 đến quân A. Nếu cùng điểm” và cùng có đôi giống nhau thì so sánh từ nhỏ đến lớn theo chất của quân bài bích, chuồn, rô, cơ.

Cách “tổ” như sau: Người ngồi bên phải của người cầm cái sẽ tham gia “tổ” hoặc bỏ bài không tham gia ván bài, rồi đến lần lượt những người còn lại. Số tiền “tổ” từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng và chỉ “tổ” tối đa qua về 02 vòng. Sau khi kết thúc việc “tổ”, người nào có ván bài lớn hơn (các chi lớn hơn) sẽ thắng số tiền ở giữa chiếu bạc. Nếu ván bài có người tham gia “tổ” thì người thắng bỏ xu 10.000 đồng dùng để mua nước và thuốc lá.

Quá trình đánh bạc và số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc được xác định cụ thể như sau:

- Trần Viết L mang theo số tiền 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) để đánh bạc, L bỏ ra số tiền 1.650.000 đồng tại chiếu bạc, không nhớ đánh bao nhiêu ván. Lúc bị bắt quả tang, L đánh thua 400.000 đồng. Số tiền

còn lại, L để trên chiếu bạc và đã bị Công an thu giữ. Công an còn thu giữ trên người của L số tiền 300.000 đồng, là tiền L sử dụng để đánh bạc.

- Nguyễn Văn Minh N mang theo số tiền 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) để đánh bạc, N bỏ ra số tiền 400.000 đồng tại chiếu bạc, không nhớ đánh bao nhiêu ván. Lúc bị bắt quả tang, N đánh thắng 940.000 đồng. Số tiền này, N để trên chiếu bạc và đã bị Công an thu giữ. Công an còn thu giữ trên người của N số tiền 4.200.000 đồng, là tiền N sử dụng để đánh bạc.

- Hồ Đắc Tường G mang theo số tiền 3.260.000 đồng (Ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) để đánh bạc, G bỏ ra số tiền 760.000 đồng tại chiếu bạc, không nhớ đánh bao nhiêu ván. Lúc bị bắt quả tang, G đánh thắng 440.000 đồng. Số tiền này, G để trên chiếu bạc và đã bị Công an thu giữ. Công an còn thu giữ trên người của G số tiền 2.500.000 đồng, là tiền G sử dụng để đánh bạc.

- Trần Hữu H mang theo số tiền 1.530.000 đồng (Một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) để đánh bạc, H không nhớ đánh bao nhiêu ván. Lúc bị bắt quả tang, H thua số tiền 600.000 đồng. Số tiền còn lại H để trên chiếu bạc và đã bị Công an thu giữ.

- Trương Văn T4 mang theo số tiền 790.000 đồng (Bảy trăm chín mươi nghìn đồng) để đánh bạc, T4 không nhớ đánh bao nhiêu ván. Lúc bị bắt quả tang, T4 vừa đánh thua hết số tiền trên.

- Đoàn Văn Đ2 mang theo số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) để đánh bạc, Đ2 không nhớ đánh bao nhiêu ván. Lúc bị bắt quả tang, Đ2 thua số tiền 450.000 đồng. Số tiền còn, lại Đ2 để trên chiếu bạc và đã bị Công an thu giữ.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, có căn cứ xác định số tiền thu trực tiếp tại chiếu bạc là: 5.880.000 đồng (trong đó có 860.000 đồng tiền xu); số tiền thu giữ của Trần Viết L, Hồ Đắc Tường G, Nguyễn Văn Minh N có căn cứ chứng minh là tiền mà những người này sẽ dùng vào việc đánh bạc là: 7.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền được xác định là tang số đánh bạc của vụ án là: 5.880.000 đồng + 7.000.000 đồng = 12.880.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

*\* Vật chứng thu giữ gồm:*

+ 54 (năm mươi bốn) lá bài tứ lơ khơ; 01 (một) cái bàn bằng kim loại màu đen; 06 (sáu) cái ghế bằng kim loại màu nâu; 01 (một) cái ly nhựa màu nâu, trắng.

+ Tiền Ngân hàng N3 phát hành, số tiền 12.880.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 12/CT- VKSHUE-KV ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, thành phố H đã truy tố các bị cáo: Trần Viết L, Nguyễn Văn Minh N, Hồ Đắc Tường G, Trần Hữu H, Trương Văn T4, Đoàn Văn Đ2, về tội: Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm theo bản Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Trần Viết L, Nguyễn Văn Minh N, Hồ Đắc Tường G, Trương Văn T4, Trần Hữu H, Đoàn Văn Đ2, phạm tội: Đánh bạc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo; đề nghị xử phạt các bị cáo Trần Viết L, Hồ Đắc Tường G, Nguyễn Văn Minh N số tiền từ 23.000.000 đồng đến 26.000.000 đồng; đề nghị xử phạt bị cáo Trương Văn T4, Trần Hữu H, Đoàn Văn Đ2 từ 20.000.000 đồng đến 23.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền mà các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc tổng cộng là: 12.880.000 đồng; Đề nghị tịch thu tiêu hủy 54 (năm mươi bốn) lá bài tứ lơ khơ, 01 (một) cái ly nhựa màu nâu, trắng vì không có giá trị sử dụng. Đề nghị trả lại cho anh Ngô Văn H2 01 (một) cái bàn bằng kim loại màu đen, 06 (sáu) cái ghế bằng kim loại màu nâu. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Viết L, Nguyễn Văn Minh N, Hồ Đắc Tường G, Trần Hữu H, Trương Văn T4, Đoàn Văn Đ2 đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có cơ sở để kết luận:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 06/02/2026, tại quán C3 ở thôn X, xã L, thành phố H; các bị cáo Trần Viết L, Nguyễn Văn Minh N, Hồ Đắc Tường G, Trần Hữu H, Trương Văn T4, Đoàn Văn Đ2 đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài “Binh 9 cây tố”, thắng thua bằng tiền thì bị Công an xã L bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 12.880.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Với hành vi nêu trên, các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế truy tố các bị cáo Trần Viết L, Nguyễn Văn Minh N, Hồ Đắc Tường G,

Trần Hữu H, Trương Văn T4, Đoàn Văn Đ2 về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với anh Ngô Văn H2 là chủ quán C3; quá trình điều tra xác định: Ngày 06/02/2026, anh H2 đi làm ở phường P, thành phố H, không biết các bị cáo đánh bạc ở quán cà phê của mình, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H không xử lý hình sự đối với anh H2. Công an xã L đã ban hành Quyết định số 18/QĐ-XPHC ngày 28/4/2026 xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 3.500.000 đồng về hành vi: Thiếu trách nhiệm trong quản lý đối với hoạt động kinh doanh để xảy ra hoạt động đánh bạc ở cơ sở do mình quản lý đối với anh H2.

[3] Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi nên đã cố ý thực hiện tội phạm; đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương; do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Xét về tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thì thấy rằng: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, trong đó các bị cáo đều là người thực hành, trực tiếp tham gia đánh bạc. Bị cáo Trần Viết L là người rủ rê nên phải chịu mức hình phạt các hơn các bị cáo khác.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, bị cáo Hồ Đắc Trường G1 và Trần Hữu H đều có con còn nhỏ (sinh năm 2025), số tiền đánh bạc không lớn, phạm tội mang tính nhất thời, phương thức phạm tội đơn giản, chủ yếu mang tính sát phạt nên cần áp dụng hình phạt tiền để răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung. Do đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Xét thấy, số tiền 12.880.000 đồng là tiền dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Đối với 54 lá bài tứ lơ khơ, 01 cái ly nhựa màu nâu, trắng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 cái bàn bằng kim loại màu đen, 06 cái ghế bằng kim loại màu nâu còn giá trị sử dụng cần trả lại cho anh H2.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

### 1. Tuyên bố:

Các bị cáo: Trần Viết L, Hồ Đắc Tường G, Trương Văn T4, Nguyễn Văn Minh N, Trần Hữu H, Đoàn Văn Đ2, phạm tội: Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Viết L số tiền 26.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Minh N số tiền 25.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Hồ Đắc Tường G số tiền 24.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu H số tiền 21.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Trương Văn T4 số tiền 20.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn Đ2 số tiền 20.000.000 đồng.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 12.880.000 đồng;

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 54 (năm mươi bốn) lá bài tứ lơ khơ, 01 (một) cái ly nhựa màu nâu, trắng.

- Trả lại cho anh Ngô Văn H2 01 (một) cái bàn bằng kim loại màu đen, 06 (sáu) cái ghế bằng kim loại màu nâu .

Tất cả vật chứng nêu trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/5/2026 giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Huế.

3. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Trần Viết L, Nguyễn Văn Minh N, Hồ Đắc Tường G, Trương Văn T4, Trần Hữu H, Đoàn Văn Đ2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 – Huế;
- CQCSĐT Công an thành phố Huế;
- CQTHAHS Công an thành phố Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**(Đã ký)**

**Trần Thị Phương Thảo**